

Vấn đề người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc

Nguyễn Thị Thu Vân

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết tổng quan các công trình nghiên cứu về vấn đề người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc từ những năm 1990 đến nay nhằm tìm hiểu nguyên nhân và thực trạng người mẹ đơn thân, các chính sách của chính phủ Hàn Quốc đối với người mẹ đơn thân đồng thời chỉ ra điểm hạn chế của các nghiên cứu này, từ đó đề xuất các hướng nghiên cứu thiết thực và hiệu quả hơn. Tác giả cho biết sự biến đổi của cấu trúc xã hội, ảnh hưởng của văn hóa phương Tây cùng với hoàn cảnh môi trường sống là những yếu tố tác động trực tiếp đến việc phát sinh hiện tượng người mẹ đơn thân. Những người mẹ đơn thân vẫn bị xem như những người phi đạo đức hoặc thiếu trách nhiệm đối với bản thân và gia đình, con cái nên họ gặp phải sự phân biệt đối xử không chỉ ở địa bàn cư trú mà còn ở nơi làm việc gây nên những bất lợi trong việc ổn định cuộc sống. Chính sách của chính phủ Hàn Quốc hiện đang hỗ trợ người mẹ đơn thân nhưng lại không chú trọng đến quyền nuôi con, quyền làm mẹ của họ.

Từ khóa: Phụ nữ; Người mẹ; Đơn thân; Chính sách; Hàn Quốc.

Mở đầu

Trong xã hội Hàn Quốc, “mihon-mo”⁽¹⁾ (*Unwed mother, Người mẹ đơn thân*) trước đây vốn là nhóm đối tượng ít được biết đến. Nhưng bắt đầu

từ năm 1990, từ khi vấn đề tỉ lệ sinh đẻ thấp và cho nhận con nuôi – vốn có mối quan hệ mật thiết với vấn đề người mẹ đơn thân - trở nên cấp thiết, thêm vào đó từ nửa sau những năm 2000, sự sụp đổ của “Hojuje”⁽²⁾ (chế độ chủ hộ - vốn chỉ công nhận quyền chủ hộ đối với nam giới, theo đó gây nhiều khó khăn đối với việc đăng kí hộ tịch của gia đình người mẹ đơn thân), thì vấn đề người mẹ đơn thân nhận được nhiều quan tâm, trở thành đề tài nghiên cứu của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

Tại Hàn Quốc, trước đây người mẹ đơn thân vốn tồn tại như một đối tượng bất bình thường và được coi là vấn đề mang tính xã hội, ảnh hưởng đến sự ổn định của xã hội, cụ thể là sự ổn định của hình thái gia đình truyền thống đã tồn tại trong một thời gian dài ở Hàn Quốc, bởi vậy, họ gặp phải rất nhiều khó khăn và định kiến trong cuộc sống. Tuy nhiên, cùng với sự biến đổi nhanh chóng của cấu trúc xã hội, sự xuất hiện của nhiều loại hình gia đình mới cùng hoạt động của các tổ chức phúc lợi xã hội, người mẹ đơn thân đã lên tiếng đòi quyền lợi cho chính mình, nâng cao vị trí độc lập của mình và đang dần chiếm vị trí như một kiểu mẫu gia đình mới.

Các công trình nghiên cứu xoay quanh vấn đề người mẹ đơn thân có thể chia thành các nhóm nội dung chính: nghiên cứu về thực trạng, nguyên nhân phát sinh của hiện tượng người mẹ đơn thân; những khó khăn và định kiến, dư luận xã hội; mạng lưới người mẹ đơn thân; nghiên cứu nhằm đưa ra đề án, chính sách phúc lợi hỗ trợ người mẹ đơn thân và con cái của họ. Tuy nhiên các nghiên cứu này trên thực tế vẫn còn nhiều hạn chế nhất định. Bài viết này tổng quan các công trình nghiên cứu về vấn đề người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc về nguyên nhân và thực trạng người mẹ đơn thân, các chính sách của chính phủ Hàn Quốc đối với người mẹ đơn thân và chỉ ra điểm hạn chế của các nghiên cứu này, từ đó đề xuất các hướng nghiên cứu thiết thực và hiệu quả hơn. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu chính là thu thập, tổng hợp và phân tích tài liệu có sẵn có như sách, báo, luận án, văn bản v.v...

1. Nguyên nhân phát sinh người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc

Trong các công trình nghiên cứu giải thích nguyên nhân phát sinh và thực trạng của người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc, có thể phân chia thành hai hướng quan điểm trong đó một bên tiếp cận vấn đề ở góc độ vĩ mô - nhấn mạnh sự thay đổi của cấu trúc xã hội là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh hiện tượng người mẹ đơn thân, một bên tiếp cận vấn đề ở góc độ vi mô – nhấn mạnh tầm quan trọng của các yếu tố mang tính gia đình,

cá nhân.

Các công trình ở nhóm thứ nhất có thể kể đến Lee Seok-jae (1985), Bae Mee-young (2000), Jeong Maria và cộng sự (2001), Ahn Tae-yun và cộng sự (2010), Son Hong-sook (1995). Họ đều đưa ra nhận định “quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa là nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi trong lối sống, cùng với nó là cơ hội giao lưu tiếp cận giữa nam nữ, những nhận thức về quan hệ tình dục cũng thay đổi dưới sự tác động của phương tiện truyền thông đại chúng, những giá trị, quy định mang tính đạo đức, xã hội, gia đình truyền thống bị giảm nhẹ, từ đó số lượng phụ nữ mang thai, nuôi con mà không kết hôn tăng nhanh, cho đến gần đây trở thành một hiện tượng và nhận được nhiều quan tâm chú ý từ dư luận” (Lee Seok-jae, 1985; Bae Mee-young, 2000)

Jeong Maria và cộng sự (2001), trong nghiên cứu về “*Sự ủng hộ của xã hội đối với người mẹ đơn thân và hy vọng của họ*”, cũng đồng quan điểm với Lee Seok-jae khi nhận định rằng sự biến đổi của cấu trúc xã hội là một trong những nguyên nhân quan trọng trong việc phát sinh hiện tượng người mẹ đơn thân. Tác giả khẳng định công nghiệp hóa, đô thị hóa, thông tin hóa cùng với sự mở rộng vai trò của phụ nữ trong các hoạt động xã hội đã khiến cho sự tiếp xúc mang tính xã hội của nam giới và nữ giới trở nên thường xuyên hơn và do đó cơ hội giao tiếp giữa hai giới cũng trở nên nhiều hơn. Ngược lại, những quy phạm mang tính đạo đức, gia đình, xã hội truyền thống trở nên yếu dần. Thêm vào đó, xu hướng cởi mở về tình dục của phương Tây cũng lan tỏa mạnh mẽ, khiến cho những luân lý, quy phạm mang tính truyền thống của Hàn Quốc trước đây bị lung lay. Mặt khác, độ tuổi trưởng thành về mặt thể chất của thanh niên cũng thấp dần, sự tự do trong cuộc sống cá nhân được đề cao dẫn đến hiện tượng sống thử trước hôn nhân trở nên phổ biến. Các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, truyền hình, internet cũng khiến giới trẻ tìm hiểu nhiều hơn về tình dục. Theo đó, tỉ lệ sống thử và quan hệ trước hôn nhân tăng cao, kéo theo một số lượng lớn những người mẹ trẻ mang thai, đơn thân nuôi con, làm nổi cộm lên thành vấn đề mang tính xã hội.

Ahn Tae-yun và cộng sự (2010) cho rằng cùng với sự phát triển đa dạng của xã hội hiện đại và đô thị hóa, cấu trúc và chức năng của gia đình cũng có nhiều thay đổi, dẫn đến hiện tượng gia đình khuyết một thành viên như gia đình ly hôn, gia đình ông bố bà mẹ có con ngoài giá thú v.v.. Trong số gia đình ông bố bà mẹ có con ngoài giá thú này thì số gia đình bà mẹ có con trong khi chưa kết hôn, quyết định nuôi con một mình chiếm 80%, và họ gặp nhiều khó khăn mang tính kinh tế, tâm lý và mạng lưới xã hội.

Trong công trình của Son Hong-sook khi nghiên cứu về “*Nguyên nhân phát sinh hiện tượng người mẹ đơn thân và đề án dự phòng nhìn từ góc độ phúc lợi gia đình*” (1995) cũng cho rằng sự biến đổi nhanh chóng của xã hội, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đã tác động đến toàn bộ cấu trúc xã hội, khiến cấu trúc xã hội trải qua một quá trình biến đổi toàn diện. Điều này còn làm thay đổi cả cách sống của mỗi cá nhân hay những quy phạm, giá trị trong cuộc sống gia đình, xã hội. Có thể thấy rõ nét nhất là hiện tượng hỗn loạn của giá trị quan có liên quan đến hành vi tình dục của mỗi cá nhân, thể hiện ở những quy phạm về tình dục và vai trò của tình dục. Các giá trị, quan niệm truyền thống về tình dục hay vai trò của tình dục đã dần trở nên yếu đi, thay vào đó là các quan điểm cởi mở hơn.

Không đề cập đến những yếu tố mang tính xã hội, vĩ mô như đô thị hóa hay hiện đại hóa, sự biến đổi của cấu trúc xã hội ảnh hưởng đến nhận thức và lối sống của các thành viên trong xã hội đó, nhiều nhà nghiên cứu khác như Kim Geun-jo, Ahn Soon-teok (1985), Kim Han-shin (1984), Lee Jong-hwa (2005), Heoh Nam-soon (1985) tiếp cận vấn đề ở góc độ vi mô, cho rằng hoàn cảnh gia đình là nguyên nhân quan trọng nhất ảnh hưởng đến việc phát sinh hiện tượng người mẹ đơn thân. Các tác giả nhận định một số lượng lớn người mẹ đơn thân xuất thân từ các gia đình có mối quan hệ giữa các thành viên không ổn định hoặc mâu thuẫn như gia đình ly hôn, ly thân, gia đình khuyết bố hoặc mẹ. Vì vậy, đã có nhiều trường hợp cố gắng tìm kiếm sự bình yên trong tâm hồn hoặc dựa vào tình thân ở bên ngoài xã hội, nói lỏng về các mối quan hệ khác giới, từ đó có nhiều khả năng trở thành người mẹ đơn thân. Nhóm thanh thiếu niên với học lực và kiến thức về giới tính càng kém thì việc có thai trong độ tuổi này càng cao, thêm vào đó bạo lực tình dục hay việc bất đồng với cha mẹ, bỏ nhà đi lang thang hoặc sống xa cha mẹ, tạo điều kiện cho việc sống thử trước hôn nhân cũng là nguyên nhân dẫn đến tỉ lệ có thai và trở thành mẹ đơn thân ở độ tuổi này càng cao. Do đó, một gia đình trong đó các thành viên chung sống hòa thuận, mối quan hệ giữa họ mật thiết, gắn bó, ổn định là yếu tố quan trọng giúp giảm thiểu khả năng có thai ngoài ý muốn trước hôn nhân, trở thành người mẹ đơn thân của con cái.

Từ kết quả của các nghiên cứu trên đây có thể thấy rằng nguyên nhân dẫn đến hiện tượng người mẹ đơn thân là nguyên nhân phức hợp, không chỉ đơn giản, một chiều, mà cần nhìn nhận từ nhiều chiều cạnh khác nhau, bao gồm nhiều yếu tố như: bối cảnh xã hội, hoàn cảnh gia đình của mỗi cá nhân. Sự biến đổi của cấu trúc xã hội như quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, ảnh hưởng của văn hóa phương Tây trong nhận thức, quan niệm về tình dục, hôn nhân cùng với hoàn cảnh môi trường

sống, hoàn cảnh gia đình chính là những yếu tố tác động trực tiếp đến việc phát sinh hiện tượng người mẹ đơn thân.

2. Thực trạng người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc

Về thực trạng của hiện tượng người mẹ đơn thân trong các nghiên cứu trước đây, ít có nghiên cứu nào đưa ra con số thống kê cụ thể về số lượng người mẹ đơn thân tăng giảm theo năm, mà chủ yếu đưa những con số thống kê về độ tuổi, học vấn, tỉ lệ lựa chọn cho con nuôi hay nuôi con một mình dựa vào kết quả điều tra ở một số người mẹ đơn thân nhất định, thường là những nhóm người mẹ đơn thân cư trú trong các khu nhà tạm lán. Ngoài ra, các nghiên cứu tập trung tìm hiểu nhận thức xã hội, cái nhìn của những người xung quanh về người mẹ đơn thân, đồng thời phân tích những khó khăn, định kiến xã hội, các trải nghiệm khi mang thai, nuôi con mà người mẹ đơn thân gặp phải khi nuôi con một mình.

Về độ tuổi của người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc, một trong những điểm đáng lưu ý trong các nghiên cứu trên là hai luồng quan điểm trái chiều tranh luận về việc độ tuổi của người mẹ đơn thân trong những năm gần đây đang tăng hay giảm dần, kéo theo sự gia tăng số lượng của nhóm mẹ đơn thân độ tuổi vị thành niên, thanh niên. Hong Soon-hye và cộng sự (2007) trong *“Nghiên cứu thực trạng đảm bảo quyền nuôi con của người mẹ đơn thân độ tuổi thanh thiếu niên”* cho rằng bước vào những năm 90 xuất hiện hiện tượng độ tuổi của người mẹ đơn thân giảm nhanh chóng, độ tuổi 15 đến 19 vào năm 1996 chiếm 48,3%, cao gấp gần hai lần so với con số 24,8% mà Trung tâm Phát triển Phụ nữ Hàn Quốc công bố năm 1984. Từ đó, có thể thấy những năm 1990, vấn đề người mẹ đơn thân ở độ tuổi thanh thiếu niên trở nên đáng báo động.

Tuy nhiên quan điểm này được Lee Mi-jeong (2010) trong nghiên cứu về *“Thực trạng sinh hoạt của gia đình người mẹ đơn thân tỉnh Gyeonggi-do”* bác bỏ. Lee Mi-jeong cho rằng khuynh hướng gia tăng số lượng người mẹ đơn thân ở độ tuổi vị thành niên chỉ xuất hiện ở cuối những năm 1990 đến đầu năm 2000, còn từ những năm từ 2000 trở lại đây tỷ lệ này giảm dần, duy trì ở mức 30%. Mặt khác, nghiên cứu của Lee Mi-jeong còn đưa ra con số về trình độ học vấn của nhóm người mẹ đơn thân được điều tra, trong đó nhóm người mẹ đơn thân có học vấn dưới tốt nghiệp PTTH chiếm 4,5%, số đã tốt nghiệp PTTH chiếm 45,1%, số đang học đại học chiếm 50,4%. Tác giả cũng nhấn mạnh khuynh hướng gần đây trong số những người mẹ đơn thân cư trú trong các khu nhà tạm trú, tỉ lệ người mẹ quyết định giữ lại nuôi con một mình, không cho con nuôi đang tăng

nhanh. Và độ tuổi của người mẹ đơn thân là nhân tố quyết định nhiều trong việc cho con nuôi trong/ ngoài nước hay giữ lại nuôi con một mình. Những nhóm phụ nữ có độ tuổi thấp thì tỉ lệ cho con nuôi cao và nhóm có độ tuổi cao thường lựa chọn nuôi con một mình. Kong Il-sook (2005) và Hoh Nam-soon cùng cộng sự (2008) trong nghiên cứu *“Thực trạng và những tranh cãi liên quan đến người mẹ đơn thân”* cũng đồng ý với nhận định này của Lee Mi-jeong. Trong số những người mẹ đơn thân cư trú trong các khu nhà tạm lánh thì tỉ lệ lựa chọn nuôi con một mình năm 1984 là 5,8%, năm 1998 là 7,2%, năm 2001 là 11,0%, năm 2005 là 31,7% và năm 2006 là 33,0%, cho thấy khuynh hướng quyết định nuôi con một mình thay vì cho con nuôi ở những người mẹ đơn thân đang tăng dần.

Vấn đề nhận thức xã hội và những khó khăn, định kiến mà người mẹ đơn thân gặp phải trong xã hội Hàn Quốc cũng là khía cạnh được đề cập đến trong nhiều nghiên cứu. Nguyễn Thị Thu Vân (2011) trong công trình *“Cuộc vận động ủng hộ quyền lợi của người mẹ đơn thân trong xã hội Hàn Quốc hiện nay”*, được tiến hành qua phương pháp nghiên cứu điều tra thực địa nhân học, với mẫu nghiên cứu là nhóm những người mẹ đơn thân đóng vai trò nòng cốt trong việc thành lập và hoạt động của tổ chức Hiệp hội gia đình phụ nữ đơn thân Hàn Quốc (Korean Unwed Mothers Families Association), cũng đã chỉ ra những khó khăn và định kiến mà người mẹ đơn thân gặp phải trong xã hội Hàn Quốc. Tác giả nhấn mạnh tại Hàn Quốc, những định kiến về người mẹ đơn thân như trẻ tuổi, phi đạo đức tồn tại khá rõ nét hơn các xã hội phương Tây. Thậm chí họ thường được quy xét vào các nhóm người có trình độ hiểu biết, học vấn cũng như tư cách đạo đức thấp kém, nghề nghiệp không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Vấn đề người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc không được xét đến như một vấn đề mang tính xã hội, giới mà thường được quy kết như một vấn đề mang tính đạo đức cá nhân, nhấn mạnh yếu tố “không kết hôn sao có thể sinh con?”. Ngoài ra, dưới góc độ tiếp cận chủ thể hành vi, Nguyễn Thị Thu Vân còn đi sâu phân tích nội tâm người mẹ đơn thân, cho thấy những khó khăn họ gặp phải trong quá trình mang thai, sinh con, nuôi con. Đó là những khó khăn “về kinh tế, định kiến và phân biệt đối xử từ những người xung quanh, khó khăn khi tìm kiếm việc làm, khó khăn khi xung đột với dư luận xã hội (social discourse). Đặc biệt, một trong những khó khăn cơ bản họ gặp phải là sự xung đột khi phải cân bằng giữa hai vai trò: vai trò trong gia đình và vai trò ngoài xã hội.” (Nguyễn Thị Thu Vân, 2011)

Ahn Tae-yun và cộng sự (2010) cũng cho thấy định kiến của người dân Hàn Quốc đối với người mẹ đơn thân. Nhóm tác giả cho rằng tại Hàn

Quốc, trên thực tế, cái nhìn về những người mẹ nuôi con một mình mà không kết hôn vẫn theo khuynh hướng căn cứ vào những giá trị đạo đức chung, xem họ như những người phi đạo đức hoặc thiếu trách nhiệm đối với bản thân và gia đình, con cái. Từ đó, người mẹ đơn thân gặp phải sự phân biệt đối xử không chỉ ở địa bàn cư trú mà còn ở nơi làm việc làm giảm khả năng tìm kiếm hoặc duy trì việc làm của họ, gây nên những bất lợi trong việc ổn định cuộc sống.

3. Chính sách hỗ trợ người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc

Các công trình nghiên cứu về chính sách, mạng lưới hỗ trợ người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc chủ yếu nghiên cứu về xã hội dân sự - các tổ chức NGO vận động ủng hộ quyền lợi của người mẹ đơn thân, các khu nhà tạm lánh, từ đó đưa ra các đề xuất, phương hướng về việc cải thiện chính sách, giải pháp nhằm hỗ trợ người mẹ đơn thân. Đa số các nghiên cứu nhìn nhận vấn đề người mẹ đơn thân ở góc độ nhân quyền, quyền làm mẹ.

Lee Mi-jeong (2010) đã liệt kê và phân loại nhiều loại hình nhà tạm lánh có liên quan đến người mẹ đơn thân, trong đó tùy vào mỗi loại hình mà thời gian cư trú và các chính sách phúc lợi, chương trình phúc lợi được hưởng khác nhau, những nét chung nhất là họ được cư trú miễn phí, được hỗ trợ về vật chất và tinh thần để có động lực tự lập và nuôi con. Tác giả nhấn mạnh việc thực hiện một cách đa dạng và phong phú hơn nữa các chương trình trong khu nhà tạm lánh, phù hợp với các nhóm đối tượng người mẹ đơn thân có độ tuổi và trình độ học vấn khác nhau.

Ahn Tae-yun và cộng sự (2010) với việc nêu ra các chính sách hỗ trợ gia đình khuyết một thành viên thuộc độ tuổi thanh niên của chính phủ đã đưa ra quan điểm cần xây dựng chính sách một cách đầy đủ, đáp ứng nhu cầu chung của người mẹ đơn thân ở nhiều độ tuổi.

Các nghiên cứu còn lại đa số nhấn mạnh tính đa dạng, linh hoạt khi đưa ra đề xuất về chính sách hỗ trợ người mẹ đơn thân. Một số nghiên cứu đặt vấn đề người mẹ đơn thân trong mối liên hệ mật thiết với vấn đề cho nhận con nuôi. Jeong Maria và cộng sự (2001) nhấn mạnh tầm quan trọng của mạng lưới xã hội đồng thời phát triển các chương trình hỗ trợ về mặt tinh thần cho người mẹ đơn thân, trong khi Hong Soon-hye và cộng sự (2007) khẳng định vai trò của việc giáo dục, học tập trong các chính sách hỗ trợ người mẹ đơn thân. Nhóm tác giả cho rằng để thực hiện một cách hiệu quả việc này thì việc tìm hiểu nhu cầu thực sự của người mẹ đơn thân là hết sức cần thiết, không nên hỗ trợ một cách tràn lan theo một công thức chung cho mọi phụ nữ đơn thân. Bên cạnh đó, việc vận động xóa bỏ định

kiến xã hội đối với những người mẹ đơn thân nuôi con cũng là việc quan trọng. Việc giáo dục giới tính cho thanh thiếu niên cũng là một việc làm không thể bỏ qua.

Lee Mi-jeong (2009) thì lại nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít, không thể tách rời giữa vấn đề người mẹ đơn thân và vấn đề cho con nuôi nước ngoài, bởi lẽ đa số những em bé được cho đi nhận con nuôi nước ngoài là con cái của những người mẹ đơn thân này. Tác giả bác bỏ quan điểm trước đây cho rằng việc cho nhận con nuôi là một đề án phúc lợi mang đến cho những em bé này một gia đình mới, và khẳng định việc tạo ra một môi trường sống tốt đẹp trong đó những em bé này được sống cùng cha mẹ ruột mới là một chính sách đúng đắn.

Cùng quan điểm với Lee Mi-jeong, Kang Eun-hwa (2006) cho rằng chính sách của chính phủ Hàn Quốc đang xung đột với việc bảo vệ quyền nuôi con của người mẹ đơn thân. Chính phủ thực hiện các chính sách hỗ trợ người mẹ đơn thân nhưng lại không chú trọng đến quyền nuôi con, quyền làm mẹ của họ. Một số khu nhà tạm lánh lại có các chương trình kết nối với các cơ sở cho con nuôi. Kết cục là các chính sách phúc lợi của chính phủ lại trở thành công cụ chia rẽ người mẹ đơn thân và con cái của họ, khiến người mẹ đơn thân phải từ bỏ quyền nuôi con của mình.

4. Điểm hạn chế của các công trình nghiên cứu về vấn đề người mẹ đơn thân

Trên đây là các công trình nghiên cứu tiêu biểu về người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc trong thời gian vừa qua. Thông qua các công trình nghiên cứu này, có thể phác họa được một cái nhìn vừa tổng thể vừa chi tiết về các chiều cạnh của vấn đề người mẹ đơn thân, từ nguyên nhân phát sinh đến thực trạng, mạng lưới hỗ trợ đến các đề xuất phương án hỗ trợ họ. Về phương pháp tiếp cận, các nghiên cứu này chủ yếu được tiến hành theo phương pháp nghiên cứu xã hội học, thống kê học hay y tế học, rất ít nghiên cứu về phụ nữ đơn thân được tiến hành theo phương pháp nghiên cứu nhân học.

Các nghiên cứu này cũng còn tồn tại nhiều điểm hạn chế nhất định. Trước tiên, các công trình này mới chỉ đơn thuần dừng lại ở việc nêu ra hiện tượng mà chưa gắn với các lý luận có liên quan đến người mẹ đơn thân hay các lý thuyết về gia đình để phân tích một cách sâu sắc về vấn đề này. Mặt khác, khi xem xét mối quan hệ giữa cấu trúc xã hội và chủ thể hành vi (agent), các nghiên cứu trước đây chỉ chủ yếu nghiên cứu vấn đề người mẹ đơn thân dựa trên việc phân tích cấu trúc xã hội, chứ ít tập trung

vào chủ thể hành vi – tức những người mẹ đơn thân. Các nghiên cứu này chủ yếu tập trung tìm hiểu chính sách phúc lợi của người mẹ đơn thân, những con số cụ thể liên quan đến số lượng, trình độ học vấn, thu nhập của người mẹ đơn thân mà chưa phản ánh được đầy đủ nội tâm, suy nghĩ và những khó khăn họ gặp phải. Bên cạnh đó, việc chưa nhìn nhận, đánh giá, phân tích vấn đề người mẹ đơn thân theo phương pháp văn hóa so sánh đặt trong dòng chảy chung của thế giới cũng là một điểm hạn chế cần khắc phục.

Bởi vậy, để có thể tiếp cận và phân tích, tìm hiểu và nhận diện vấn đề người mẹ đơn thân một cách khách quan, logic và toàn diện hơn, cần có nhiều nghiên cứu chuyên sâu hơn nữa trong đó kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, xem xét vấn đề ở nhiều góc độ khác nhau, đồng thời, so sánh bối cảnh các xã hội khác nhau có ảnh hưởng như thế nào đến hành vi và suy nghĩ, nhận thức cũng như cuộc sống của mỗi cá nhân.

Kết luận

Nghiên cứu này đã đưa ra một cái nhìn tổng quan về các công trình nghiên cứu về người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc từ sau những năm 1990 đến nay. Các công trình nghiên cứu được phân loại thành hai nhóm: các công trình nghiên cứu về nguyên nhân phát sinh, thực trạng người mẹ đơn thân và các công trình nghiên cứu về chính sách hỗ trợ đối với người mẹ đơn thân. Những điểm hạn chế của các công trình nghiên cứu này thể hiện ở ba ý chính: thứ nhất, mới tập trung mô tả hiện tượng chứ chưa gắn với các lý luận cụ thể từ đó nhận diện cái gốc của vấn đề; thứ hai, mới chỉ dừng ở việc đưa ra các con số thống kê về độ tuổi, trình độ học vấn, thu nhập, đứng ở góc nhìn phân tích cấu trúc xã hội chứ chưa đi sâu tìm hiểu nội tâm, những khó khăn mà người mẹ đơn thân gặp phải đứng ở góc nhìn của chủ thể hành vi; thứ ba, chưa có nghiên cứu nào thực hiện theo phương pháp nghiên cứu so sánh, đặt vấn đề trong dòng chảy chung của thế giới để nhìn nhận vấn đề một cách khách quan và toàn diện hơn.

Như đã đề cập ở trên, cùng với sự gia tăng về số lượng của người mẹ đơn thân từ sau những năm 1990, vấn đề người mẹ đơn thân đã dần nhận được nhiều sự quan tâm từ chính phủ, các nhà nghiên cứu, nhà hoạt động xã hội. Chính phủ Hàn Quốc đã và đang nhận thức được tầm quan trọng của việc cân nhắc chỉnh sửa, xây dựng các chính sách phúc lợi dành cho các loại hình gia đình mới như gia đình đa văn hóa, gia đình khuyết một thành viên, trong đó có gia đình người mẹ đơn thân và con cái của họ.

Theo đó, trong tương lai cần phải có nhiều nghiên cứu chuyên sâu hơn nữa về vấn đề người mẹ đơn thân, làm căn cứ để chính phủ Hàn Quốc cân nhắc, điều chỉnh khi xây dựng chính sách phúc lợi và luật gia đình. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Thuật ngữ ‘Mihon-mo’ được xuất phát từ tiếng Hán, với ‘Mi’ mang nghĩa ‘chứa’, ‘hon’ mang nghĩa ‘hôn nhân, kết hôn’ và ‘mo’ mang nghĩa ‘mẫu, người mẹ’. Bởi vậy ‘Mihon-mo’ trong tiếng Hàn được dùng để chỉ ‘những phụ nữ làm mẹ trong khi chưa trải qua thủ tục kết hôn hợp pháp’ (Kang Eun-hwa, 2006).

⁽²⁾ ‘Hojuje’ (Chế độ chủ hộ) là chế độ tồn tại lâu đời tại Hàn Quốc, là một trong những biểu hiện của Hệ tư tưởng Nho giáo, chế độ này chỉ cho phép đàn ông trong gia đình có quyền đăng kí hộ tịch và làm chủ hộ tịch về mặt luật pháp – theo đó đẩy phụ nữ đơn thân vào tình huống tiến thoái lưỡng nan trong việc đăng kí hộ tịch và đăng kí khai sinh cho con. Gần đây, chế độ này vấp phải các ý kiến phản đối mạnh mẽ của các nhà hoạt động bình đẳng giới và nữ quyền, cho rằng nó thể hiện quan điểm bất bình đẳng giới, và trải qua nhiều cuộc vận động, chế độ này đã bị chính thức bãi bỏ vào năm 2005.

Tài liệu tham khảo

- Ahn Tae-yun và cộng sự. 2010. “Nghiên cứu về điều tra thực trạng gia đình ông bố bà mẹ đơn thân tỉnh Gyeonggi-do và phương án hỗ trợ”. Trung tâm nghiên cứu Gia đình và Phụ nữ Gyeonggi-do.
- Bae Mee-young. 2000. *Phân tích nguyên nhân phát sinh người mẹ đơn thân: Tập trung vào so sánh nhóm người mẹ đơn thân với các nhóm xã hội khác*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Daejin.
- Heoh Nam-soon, Noh Chung-rae, Heoh So-young, Cho Soo-min. 2005. “Nghiên cứu về chính sách tổng hợp cho gia đình phụ nữ đơn thân”. Bộ Gia đình và Phụ nữ Hàn Quốc.
- Hoh Nam-soon và cộng sự. 2008. “Thực trạng và những tranh cãi liên quan đến người mẹ đơn thân”. Viện Nghiên cứu Chính sách Phụ nữ Hàn Quốc.
- Hong Soon-hye và cộng sự. 2007. “Nghiên cứu thực trạng đảm bảo quyền giáo dục của người mẹ đơn thân độ tuổi thanh thiếu niên”. Trung tâm Nghiên cứu Phúc lợi giáo dục. Trường Đại học Nữ sinh Seoul.
- Jeong Maria và cộng sự. 2001. “Sự ủng hộ của xã hội đối với người mẹ đơn thân và hy vọng của họ”. *Tạp chí Hiệp hội chăm sóc sức khỏe phụ nữ*. Quyển số 6 số 1. Trung tâm Thông tin Nghiên cứu Bảo vệ sức khỏe.
- Kang Eun-hwa. 2006. “Luận bàn về việc đảm bảo quyền nuôi con của mihon-mo: Tập trung vào vấn đề cho nhận con nuôi”. *Phụ nữ học Hàn Quốc*, 23(3).

Hiệp hội Phụ nữ Hàn Quốc.

- Kong Il-sook. 2005. *Nghiên cứu liên quan đến phương án cải thiện dịch vụ phúc lợi đối với người mẹ đơn thân lựa chọn nuôi con*. Luận văn thạc sĩ chuyên ngành phúc lợi xã hội. Trường Đại học Kyunghee.
- Lee Mi-jeong. 2010. “*Phương án cải thiện dịch vụ phúc lợi hỗ trợ cho phụ nữ đơn thân nuôi con*”. Nxb. Viện Nghiên cứu Chính sách Phụ nữ Hàn Quốc.
- Lee Seok-jae. 1985. “*Nghiên cứu về nguyên nhân phát sinh vấn đề người mẹ đơn thân và chính sách phúc lợi đối với con cái của họ*”. Trường Đại học Chungang.
- Nguyễn Thị Thu Vân. 2011. *Cuộc vận động ủng hộ quyền lợi của người mẹ đơn thân trong xã hội Hàn Quốc hiện nay*. Luận văn thạc sĩ. Viện Hàn lâm Nghiên cứu Hàn Quốc học Trung ương (AKS).
- Soon Hong-sook. 1995. “*Nghiên cứu về nguyên nhân phát sinh vấn đề người mẹ đơn thân và những gợi mở về đối sách nhìn từ góc độ phúc lợi gia đình*”. *Nghiên cứu Gia đình Đại Hàn*, số 33.